FireAnt

CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An (HSX: LAF)

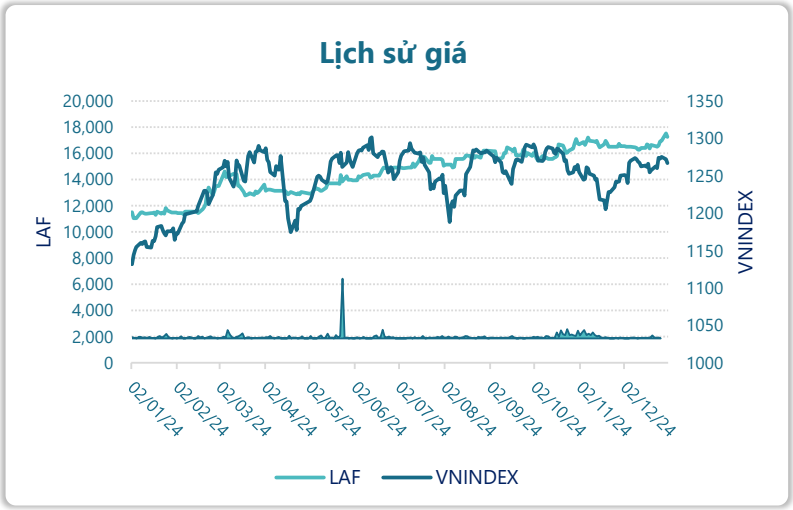

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**18,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,527
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,047
SL cổ phiếu LH	15,228,019
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,225
% sở hữu nước ngoài	2.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	282
P/E	6.3
EPS	2,952

DT thuần

Q4/24

150

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 46.0| 44.7%

YoY: ▲ 19.0| 14.8%

LN sau thuế

Q4/24

16.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.20| 24.6%

YoY: ▲ 2.80| 20.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

13.0%

+/- YoY: ▲ 3.0%

DT thuần

2024

466

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 35.0| 8.0%

LN sau thuế

2024

45.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 16.4| 57.1%

ROE

2024

19.2%

+/- YoY: ▲ 5.2%

Kết quả kinh doanh

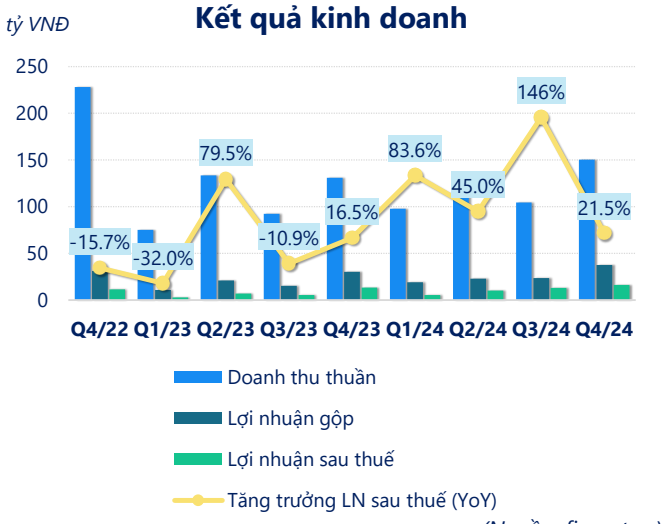

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

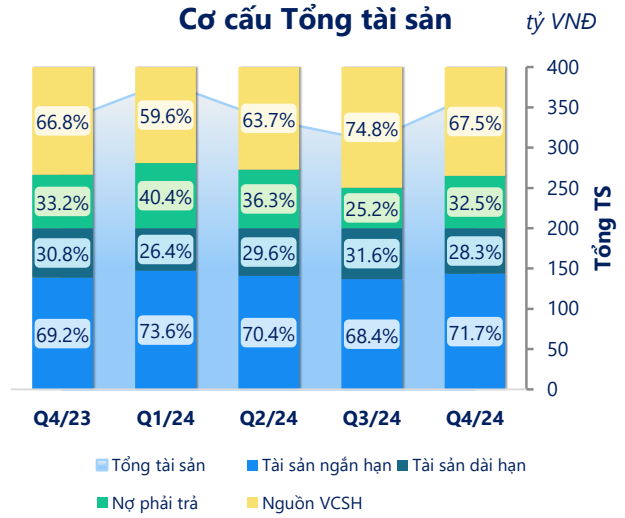

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

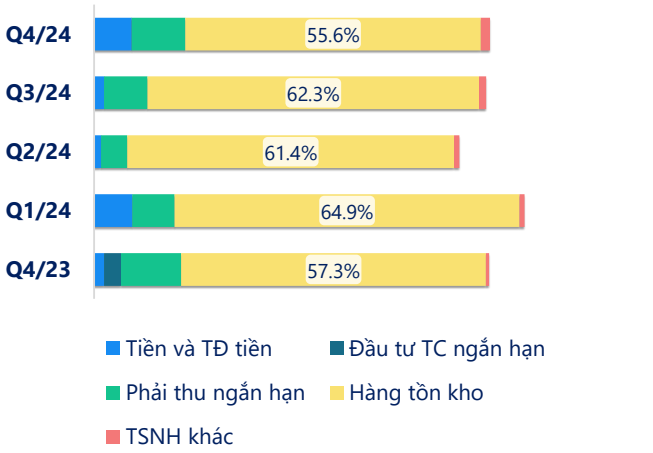

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

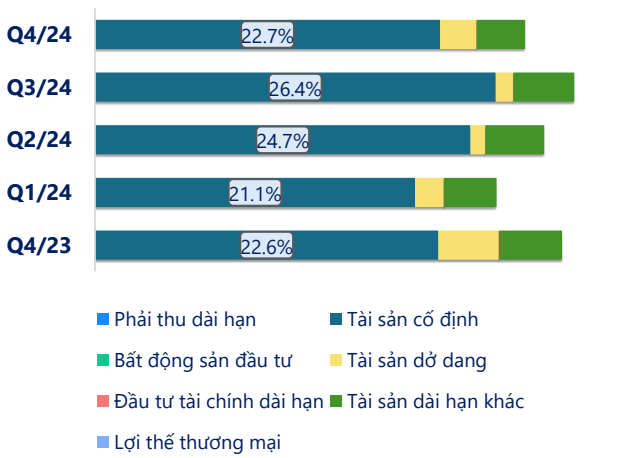

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

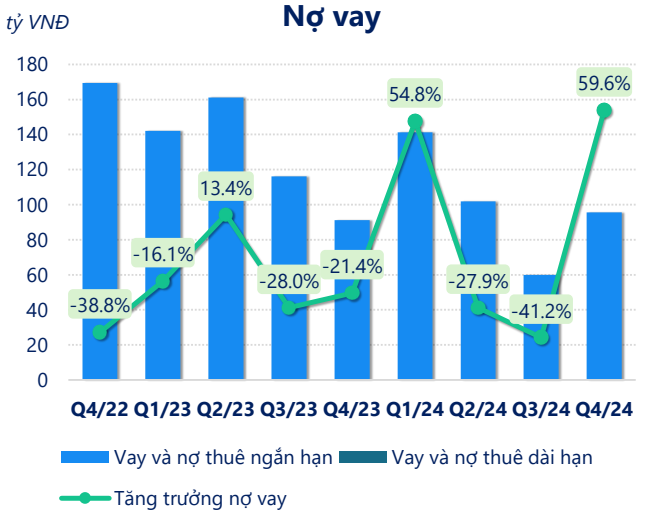

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

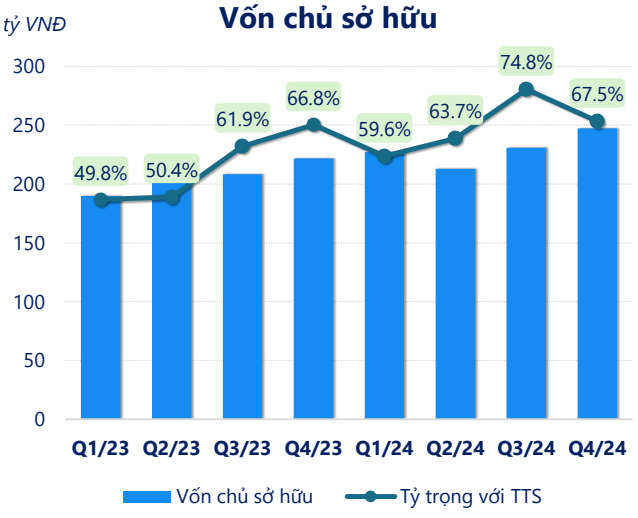

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

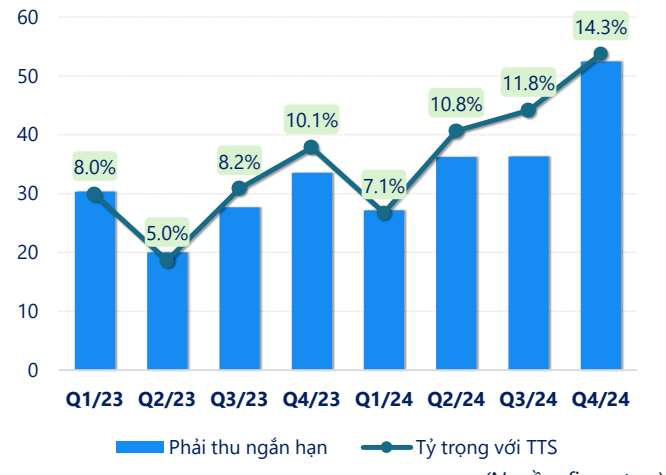

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

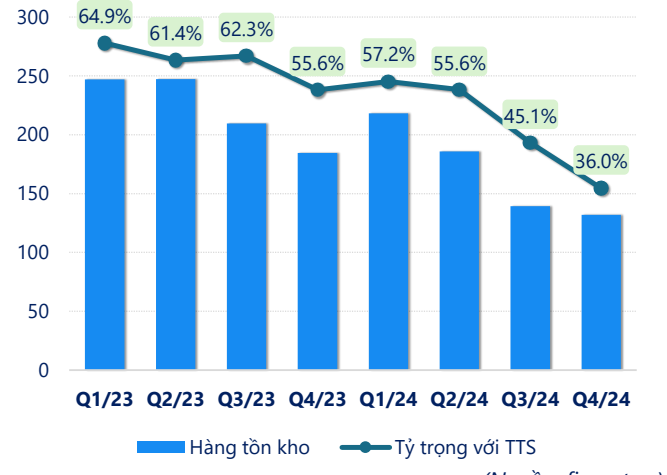

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

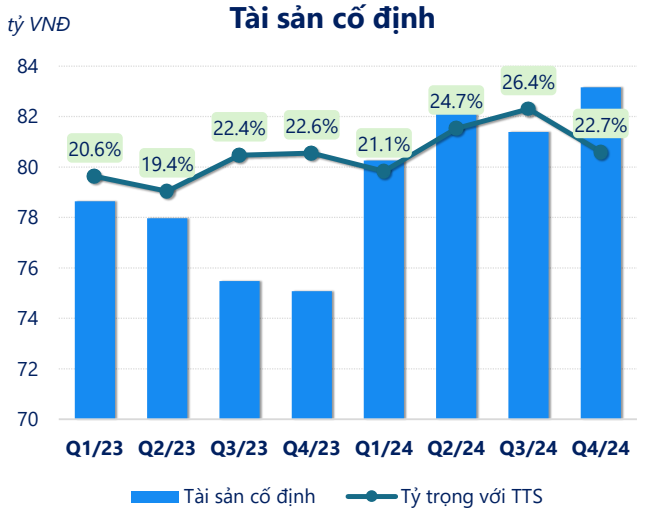

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

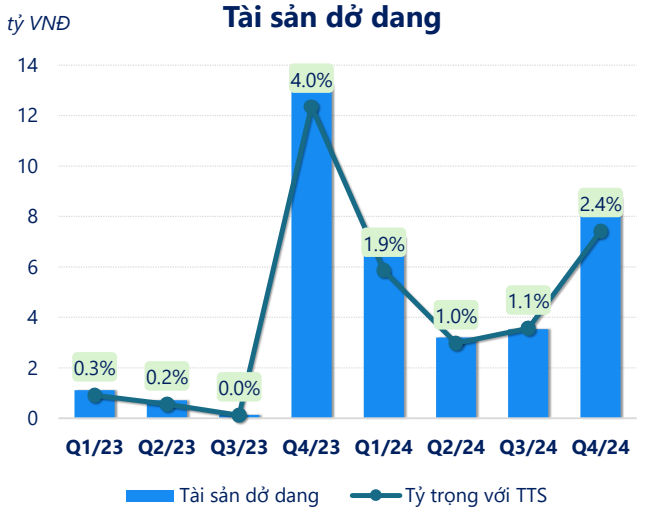

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

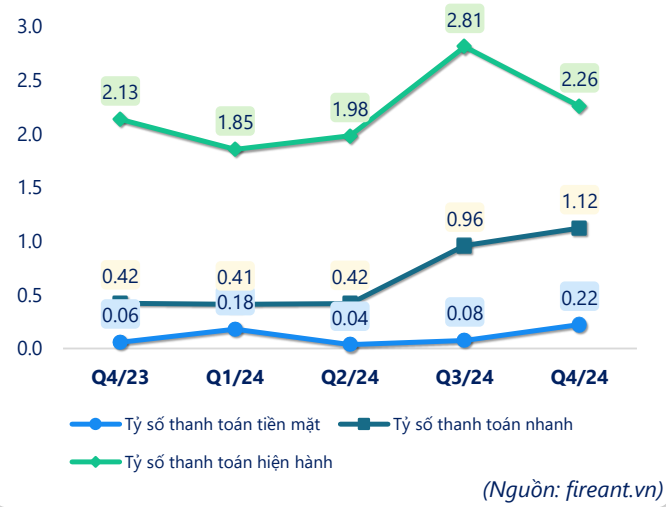

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

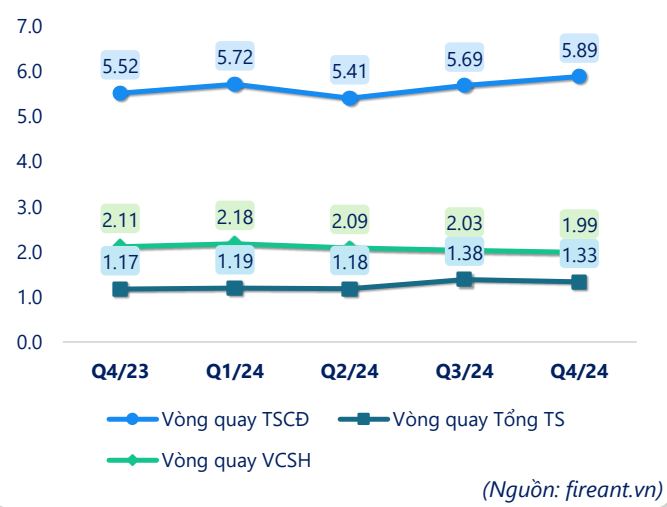

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**332**	**381**	**334**	**309**	**366**
Tài sản ngắn hạn	**230**	**280**	**235**	**211**	**262**
Tiền và tương đương tiền	6.16	27.4	4.31	5.72	25.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.00	20.3	40.3
Phải thu ngắn hạn	33.5	27.1	36.2	36.3	52.4
Hàng tồn kho	185	218	186	139	132
Tài sản ngắn hạn khác	5.80	7.63	9.07	9.74	11.8
Tài sản dài hạn	**102**	**101**	**98.8**	**97.4**	**104**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	75.1	80.3	82.6	81.4	83.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	13.2	7.17	3.20	3.53	8.74
Đầu tư tài chính dài hạn	0.06	0.06	0.06	0.06	0.06
Tài sản dài hạn khác	13.8	13.2	12.9	12.4	11.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**110**	**154**	**121**	**77.8**	**119**
Nợ ngắn hạn	**108**	**151**	**119**	**75.2**	**116**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	91.2	141	102	59.9	95.6
Phải trả người bán ngắn hạn	7.43	4.76	5.59	1.73	4.69
Nợ dài hạn	2.64	2.65	2.56	2.61	2.51
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**222**	**227**	**213**	**231**	**247**
Vốn chủ sở hữu	**222**	**227**	**213**	**231**	**247**
Vốn điều lệ	147	147	147	152	152
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)